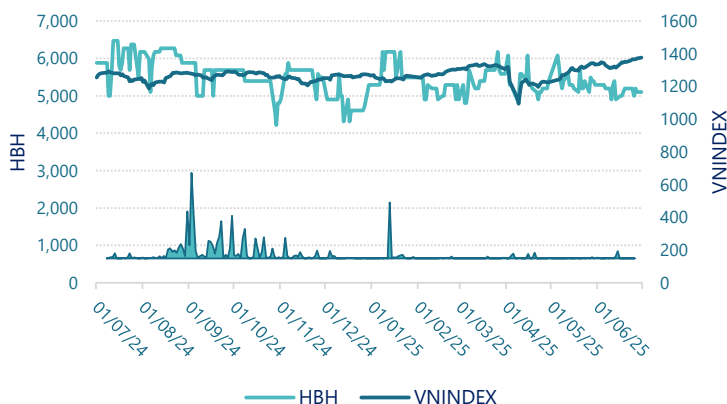


CTCP Habeco - Hải Phòng (UPCOM: HBH)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/06/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	5,200
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	6,471
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	4,216
SL cổ phiếu LH	16,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	705
% sở hữu nước ngoài	0.8%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	83
P/E	15.9
EPS	328

DT thuần

Q2/25

40.3

tỷ VNĐ

QoQ: ▼14.9| -27.1%

YoY: ▼14.7| -26.8%

LN sau thuế

Q2/25

-4.75

tỷ VNĐ

QoQ: ▼5.65| -628%

YoY: ▼1.00| -26.7%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

-11.8%

+/- YoY: ▼ 5.0%

DT thuần

6T 2025

95.5

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 3.00| 3.2%

LN sau thuế

6T 2025

-3.85

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 5.08| 56.9%

ROE

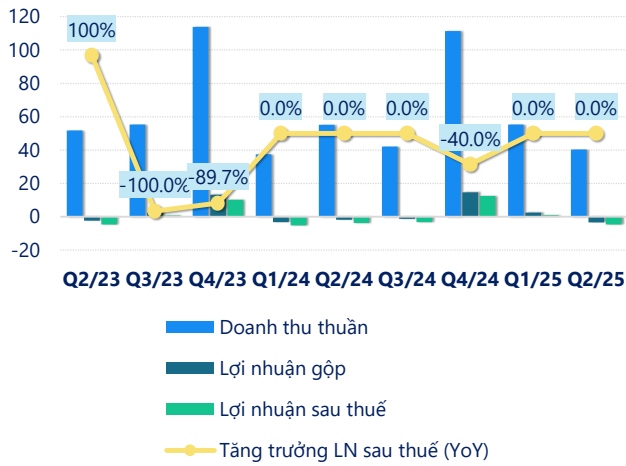
Q2/25

3.2%

+/- YoY: ▲ 2.0%

tỷ VNĐ

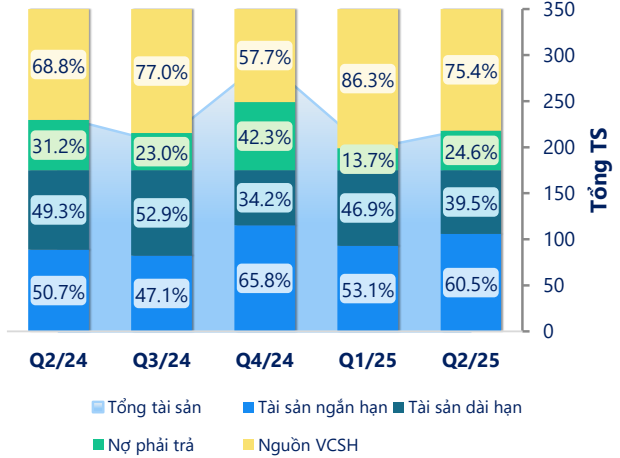
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

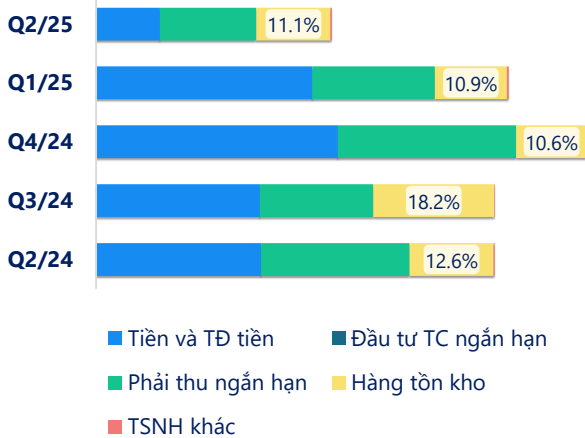
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



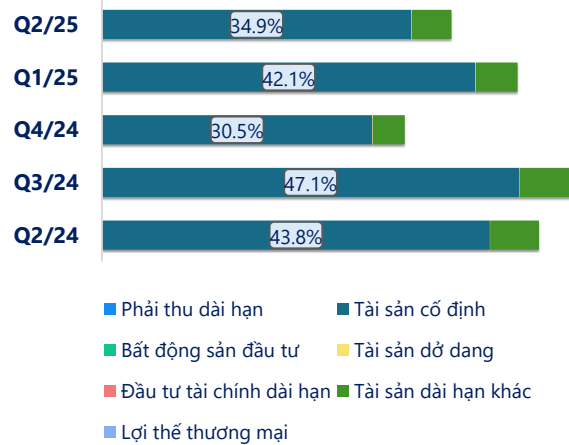
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

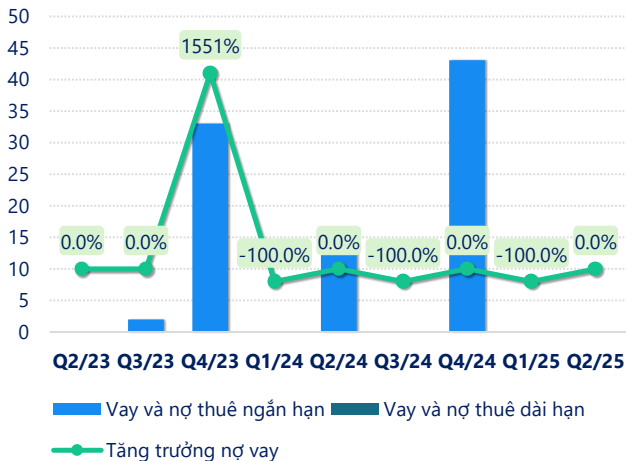
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

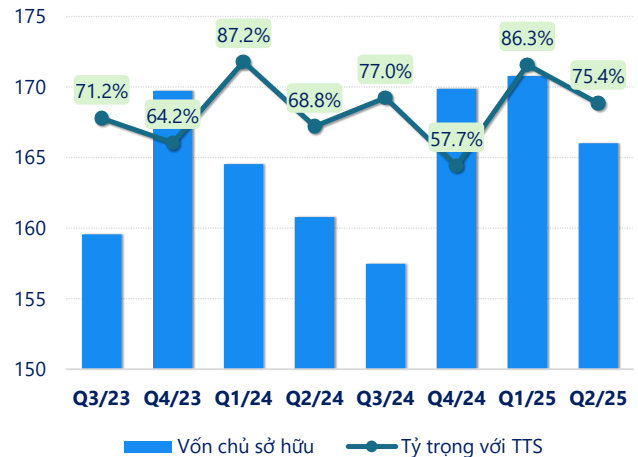
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

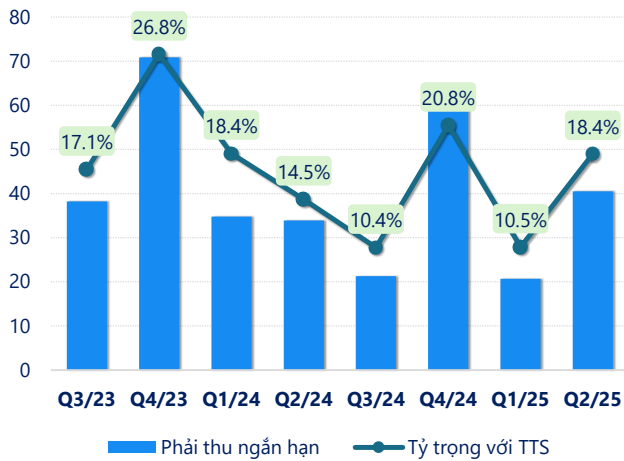
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



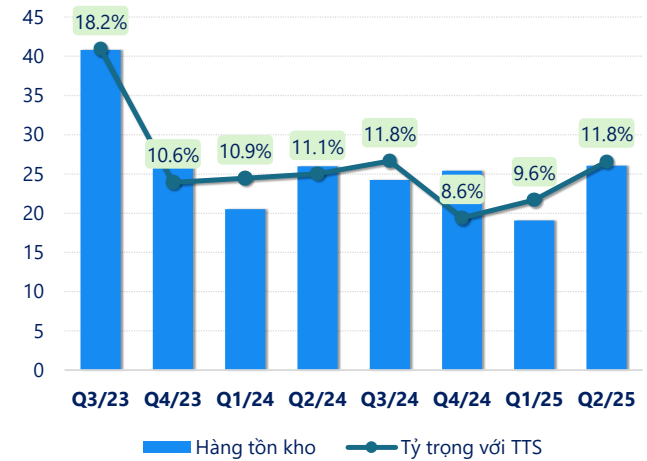
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


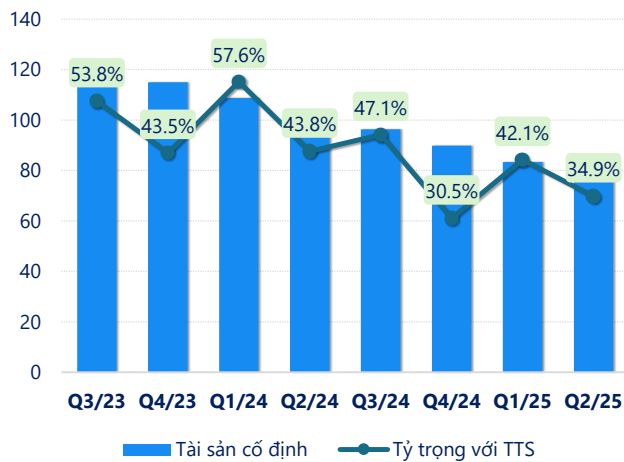
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


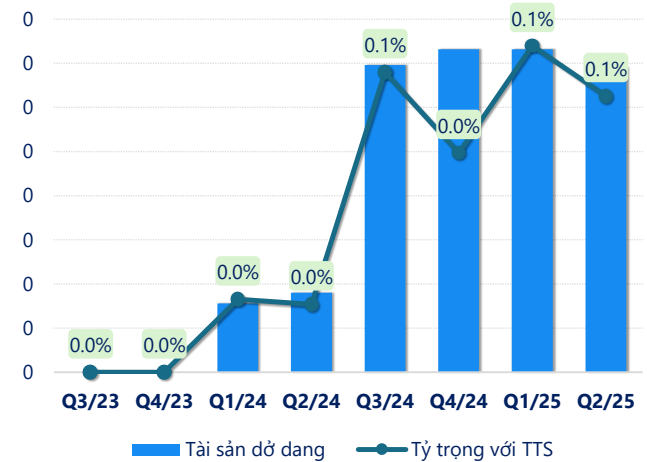
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

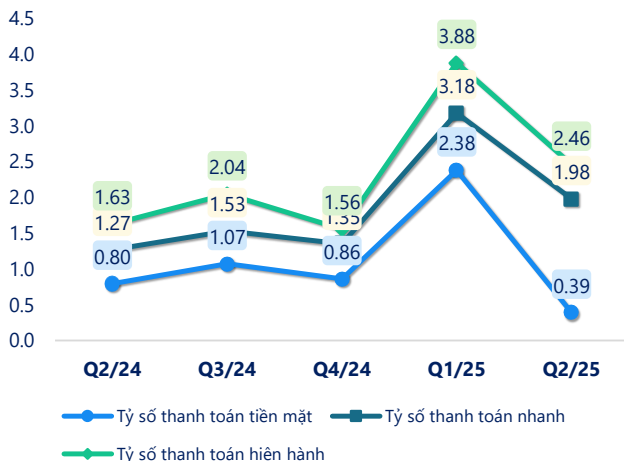
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

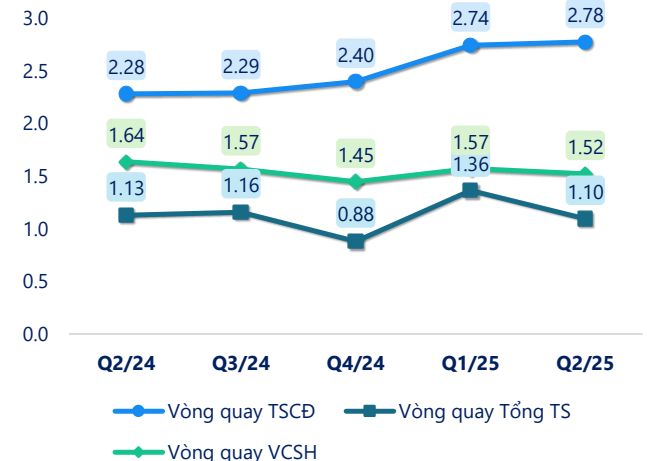
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	234	205	294	198	220
Tài sản ngắn hạn	118	96.3	194	105	133
Tiền và tương đương tiền	57.9	50.4	107	64.4	21.2
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	45.0
Phải thu ngắn hạn	33.9	21.3	61.2	20.7	40.5
Hàng tồn kho	26.0	24.2	25.4	19.1	26.0
Tài sản ngắn hạn khác	0.53	0.29	0.03	0.95	0.66
Tài sản dài hạn	115	108	101	92.8	86.9
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	102	96.3	89.8	83.4	76.9
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0.04	0.14	0.15	0.15	0.14
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	12.9	11.9	10.6	9.25	9.87
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	72.8	47.1	124	27.1	54.3
Nợ ngắn hạn	72.8	47.1	124	27.1	54.3
Vay và nợ thuê ngắn hạn	15.0	0	43.1	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	22.8	14.8	34.3	11.3	21.7
Nợ dài hạn	0	0	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	161	157	170	171	166
Vốn chủ sở hữu	161	157	170	171	166
Vốn điều lệ	160	160	160	160	160
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)